

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CHẤP THUẬN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CÔNG TY CỔ PHẦN MEINFA

(Giấy đăng ký kinh doanh số 1703000013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 22 tháng 12 năm 2008)

ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Bản công bố thông tin này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:



❖ **Trụ sở Công ty Cổ phần MEINFA**

Phường Mỏ Chè, TX Sông Công, Tỉnh Thái Nguyên



❖ **Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á - Chi nhánh Hà Nội**

Tầng 1, 57 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

Phụ trách công bố thông tin

Họ tên: Ông Hoàng Như Nguyễn – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc công ty.

Địa chỉ: Phường Mỏ Chè, TX Sông Công, Tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại: (84-280) 862 227 Fax : (840280) 862 227



CÔNG TY CỔ PHẦN MEINF A

(Giấy đăng ký kinh doanh số 1703000013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 22 tháng 12 năm 2008)

ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Meinfa
Loại cổ phiếu	:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng đăng ký giao dịch	:	2.900.000 cổ phần
Tổng giá trị đăng ký giao dịch	:	29.000.000.000 đồng (theo mệnh giá) Bằng chữ: Hai mươi chín tỷ đồng chẵn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN (AASC)

Địa chỉ: 01 Lê Phụng Hiểu, Hà Nội

Điện thoại: (04) 824 1990

Fax: (04) 825 3973

TỔ CHỨC CAM KẾT HỖ TRỢ:

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

Trụ sở chính

Địa chỉ: 56 - 58 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp HCM

Điện thoại: (848) 8.218.666

Fax: (848) 9.144.372

Website: www.das.vn

Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 1, 57 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng, Tp Hà Nội.

Điện thoại: (844) 9.445.175

Fax: (844) 9.445.178

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	6
1. Rủi ro về kinh tế.....	6
2. Rủi ro về luật pháp.....	6
3. Rủi ro đặc thù.....	7
4. Rủi ro khác.....	7
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	8
1. Tổ chức đăng ký giao dịch.....	8
2. Tổ chức cam kết hỗ trợ.....	8
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ CÁC CHỮ VIẾT TẮT	9
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH	10
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	10
1.1. Giới thiệu chung về Công ty.....	10
1.2. Ngành nghề kinh doanh.....	10
1.3. Quá trình hình thành và phát triển.....	10
1.4. Quá trình tăng vốn Điều lệ.....	11
2. Cơ cấu tổ chức của Công ty.....	12
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty.....	13
3.1. Đại hội đồng cổ đông.....	13
3.2. Hội đồng quản trị.....	13
3.3. Ban kiểm soát.....	13
3.4. Ban Tổng Giám đốc.....	13
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ.....	13
4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần.....	13
4.2. Danh sách cổ đông sáng lập.....	14
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký giao dịch, những công ty mà tổ chức đăng ký giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối.....	15
5.1. Danh sách các công ty nắm quyền kiểm soát đối với Công ty Cổ phần MEINFA.....	
5.2. Danh sách các công ty mà Công ty Cổ phần MEINFA đang nắm giữ quyền kiểm soát, chi phối.....	16
5.3. Danh sách các công ty mà Công ty Cổ phần MEINFA liên doanh liên kết.....	18
6. Hoạt động kinh doanh.....	18

6.1.	Sản phẩm dịch vụ chính	18
6.2.	Kế hoạch phát triển kinh doanh:.....	23
7.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	24
7.1.	Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm liền trước năm đăng ký giao dịch.....	24
7.2.	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty	26
8.	Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	27
8.1.	Vị thế của công ty trong ngành	27
8.2.	Triển vọng phát triển của ngành.....	27
8.3.	Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới	27
9.	Chính sách đối với người lao động	27
9.1.	Số lượng người lao động trong công ty.....	28
9.2.	Chính sách đào tạo, tuyển dụng, lương thưởng.....	28
10.	Chính sách cổ tức	29
11.	Tình hình hoạt động tài chính.....	29
11.1.	Các chỉ tiêu cơ bản	29
11.2.	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	32
12.	Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	32
12.1.	Danh sách thành viên Hội đồng quản trị	32
12.2.	Ban Tổng Giám đốc	38
12.3.	Ban Kiểm soát.....	39
13.	Tài sản của công ty.....	42
13.1.	Giá trị tài sản cố định hữu hình của Công ty	42
13.2.	Danh mục đất đai Công ty đang quản lý.....	42
14.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo	43
14.1.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức.....	43
14.2.	Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên.	43
a.	Công tác quản lý	43
15.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký giao dịch	44
16.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty	44
V.	CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH	44
1.	Loại chứng khoán.....	44
2.	Mệnh giá.....	44



3.	Tổng số chứng khoán đăng ký giao dịch.....	44
4.	Phương pháp tính giá	44
	(Nguồn: BCTC Hợp nhất đã được kiểm toán năm 2010)	45
4.1	Phương pháp P/E	44
4.2.	Phương pháp P/B	45
4.3.	Tổng hợp các phương pháp tính toán	46
5.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	47
6.	Các loại thuế có liên quan	47
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH.....		47
VII. PHỤ LỤC.....		48

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Cuộc khủng hoảng kinh tế – tài chính bắt đầu vào cuối năm 2007 đã ảnh hưởng mạnh mẽ và rộng khắp đến kinh tế các nước trên thế giới. Là một thành viên của tổ chức Thương mại quốc tế (WTO), Việt Nam cũng không tránh khỏi những tác động tiêu cực từ cuộc khủng hoảng này. Sự tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu lan sang Việt Nam, đã gây nhiều khó khăn trong hoạt động của các doanh nghiệp.

Trên thực tế, trong giai đoạn từ 2008 đến nay, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Meinfa (sau đây gọi tắt là Công ty) đã chịu những ảnh hưởng nhất định dưới sự tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế. Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2009 của Công ty đã gặp rất nhiều khó khăn. Sản phẩm sản xuất ra không tiêu thụ được, một số đơn hàng xuất khẩu bị từ chối, thị trường trong nước giảm tới 70% so với năm 2008.

Năm 2010, nền kinh tế đã có những biến chuyển tích cực sau khủng hoảng, tuy nhiên, Công ty vẫn luôn phải đối mặt với những rủi ro nhất định như: rủi ro về tỷ giá hối đoái; rủi ro lãi suất; rủi ro về lạm phát, sự thay đổi giá cả của các nguyên vật liệu đầu vào... Những nhân tố này đều trực tiếp hay gián tiếp ảnh hưởng tới kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Rủi ro về tỷ giá hối đoái: Xuất nhập khẩu hàng hóa, thiết bị y tế là một trong những ngành nghề kinh doanh chủ yếu với tỷ lệ xuất khẩu hàng năm chiếm trên 30% doanh thu, do đó, tỷ giá hối đoái đóng một vai trò quan trọng trong kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Sự biến động khó lường của tỷ giá có thể gây ra những thiệt hại nặng cho doanh nghiệp.

- Rủi ro về lãi suất ngân hàng: Lãi suất ngân hàng biến động sẽ gây ra những rủi ro nhất định cho hoạt động của doanh nghiệp. Lãi suất tăng dẫn đến chi phí tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh tăng, làm giảm doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp. Ngược lại, lãi suất giảm làm giảm chi phí tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp.

2. Rủi ro về luật pháp

Trong bối cảnh kinh tế thế giới xảy ra nhiều biến động, các chính sách của Nhà nước cũng thường xuyên thay đổi nhằm ứng phó với suy giảm kinh tế. Mỗi chính sách thay đổi đều gây ra những tác động nhất định đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đòi hỏi doanh nghiệp phải có những sự thay đổi, điều chỉnh để phù hợp với chính sách của Nhà nước. Bên cạnh đó, sự ban hành và thay đổi chính sách cũng tạo ra sự chông chéo, thiếu đồng bộ giữa các văn bản quy phạm pháp luật, gây ra nhiều vướng mắc trong quá trình thực hiện.

3. Rủi ro đặc thù

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, mua bán và xuất khẩu các sản phẩm cơ khí và máy móc phục vụ ngành y tế, các sản phẩm phụ tùng xe gắn máy và các sản phẩm từ kim loại. Do đó, biến động của các yếu tố giá sắt thép nguyên liệu tăng, tỷ giá hối đoái, sự ổn định của các thị trường ngoài nước ...có tác động lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

4. Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, hạn hán, bão lụt, dịch bệnh, hỏa hoạn ... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

Công ty luôn thực hiện nghiêm chỉnh công tác an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường cũng như mua bảo hiểm cho các rủi ro để hạn chế những rủi ro này.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Tổ chức đăng ký giao dịch

Ông Hoàng Như Nguyễn	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Ông Trần Hùng Tuấn	Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát
Ông Đinh Văn Vinh	Chức vụ: Kế toán trưởng Công ty – Thành viên HĐQT

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức cam kết hỗ trợ

Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh	Chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh Hà Nội <i>(Theo Giấy ủy quyền số 35b/2008/UQ-DAS do Tổng Giám đốc Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á ký ngày 01 tháng 11 năm 2008)</i>
Bà Trần Thị Thược	Chức vụ: Trưởng khối tư vấn tài chính doanh nghiệp
Ông Phạm Anh Tuấn	Chức vụ: Chuyên viên tư vấn tài chính doanh nghiệp

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ đăng ký giao dịch do Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đông Á tham gia lập trên cơ sở hợp đồng cam kết hỗ trợ với Công ty Cổ phần MEINFA. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần MEINFA cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Công ty	:	Công ty Cổ phần MEINFA
Tổ chức đăng ký giao dịch	:	Công ty Cổ phần MEINFA
MEF	:	Mã cổ phiếu đề nghị của Công ty Cổ phần MEINFA
Tổ chức tư vấn	:	Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	:	Hội đồng quản trị
BKS	:	Ban kiểm soát
CBCNV	:	Cán bộ công nhân viên
BCTC	:	Báo cáo tài chính
Điều lệ	:	Điều lệ Công ty cổ phần Meinfa
Giấy CN ĐKKD	:	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
Công ty TNHH MTV	:	Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên
TSCĐ	:	Tài sản cố định
Quỹ KTPL	:	Quỹ Khen thưởng phúc lợi

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về Công ty

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN MEINFA**
- Tên giao dịch: **MEINFA JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt: **MEINFA**
- Mã chứng khoán: **MEF**
- Vốn điều lệ: **29.000.000.000 đồng (Hai mươi chín tỷ đồng chẵn)**
- Trụ sở chính: **Phường Mỏ Chè, TX Sông Công, Tỉnh Thái Nguyên**
- Giấy chứng nhận ĐKKD số **1703000013** do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 22 tháng 12 năm 2008
- Điện thoại: **(84-280) 862 227** Fax : **(840280) 862 227**
- Website: <http://www.meinfavn.com>

1.2. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất và mua bán các sản phẩm cơ khí và máy móc phục vụ ngành y tế;
- Các sản phẩm phụ tùng xe gắn máy;
- Sản xuất các sản phẩm từ kim loại (trừ máy móc thiết bị), máy thông dụng, máy chuyên dụng (dụng cụ chăn nuôi, thú y).

1.3. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần MEINFA tiền thân là Nhà máy Y Cụ 2 được thành lập ngày 19/07/1975 theo quyết định số 519/CL-CB của Bộ trưởng Bộ cơ khí luyện kim. Năm 1981 Công ty được chuyển sang do Bộ Y tế quản lý và Nhà máy được thành lập lại theo quyết định số 414-BYT.QĐ ngày 22/04/1993 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Đến ngày 31/12/2001 Công ty Cổ phần MEINFA được thành lập theo quyết định số 1518/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ và có giấy phép kinh doanh số 1703000013 do Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 21/12/2001. Công ty có vốn điều lệ ban đầu khi chuyển sang công ty cổ phần là 21.000.000.000 đồng. Sau khi phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, đến nay, vốn điều lệ của Công ty là **29.000.000.000** đồng.

Sau gần 10 năm cổ phần hóa, Công ty đã từng bước củng cố năng lực tổ chức bộ máy quản lý, áp dụng các chương trình kiểm soát nghiêm ngặt quy trình sản xuất đảm bảo yêu cầu về chất lượng sản phẩm và từng bước cải tiến năng lực sản xuất. Cho đến nay các sản phẩm mà công ty làm ra ngày càng được các bạn hàng tin cậy và đặt hàng, các thiết bị sản phẩm cơ khí máy móc phục vụ ngành y tế và các loại kim đa năng mà công ty làm ra đã được bán trong nước và xuất khẩu sang thị trường các nước phát triển như Đài Loan, Nhật Bản, Đức... Tỷ lệ xuất khẩu hàng năm đạt trên 30% doanh thu của Công ty. Hệ thống quản lý chất lượng của công ty đáp ứng tiêu chuẩn ISO9001: 2000 được công nhận bởi Quacert.

1.4. Quá trình tăng vốn Điều lệ

Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã trải qua 2 lần tăng vốn Điều lệ :

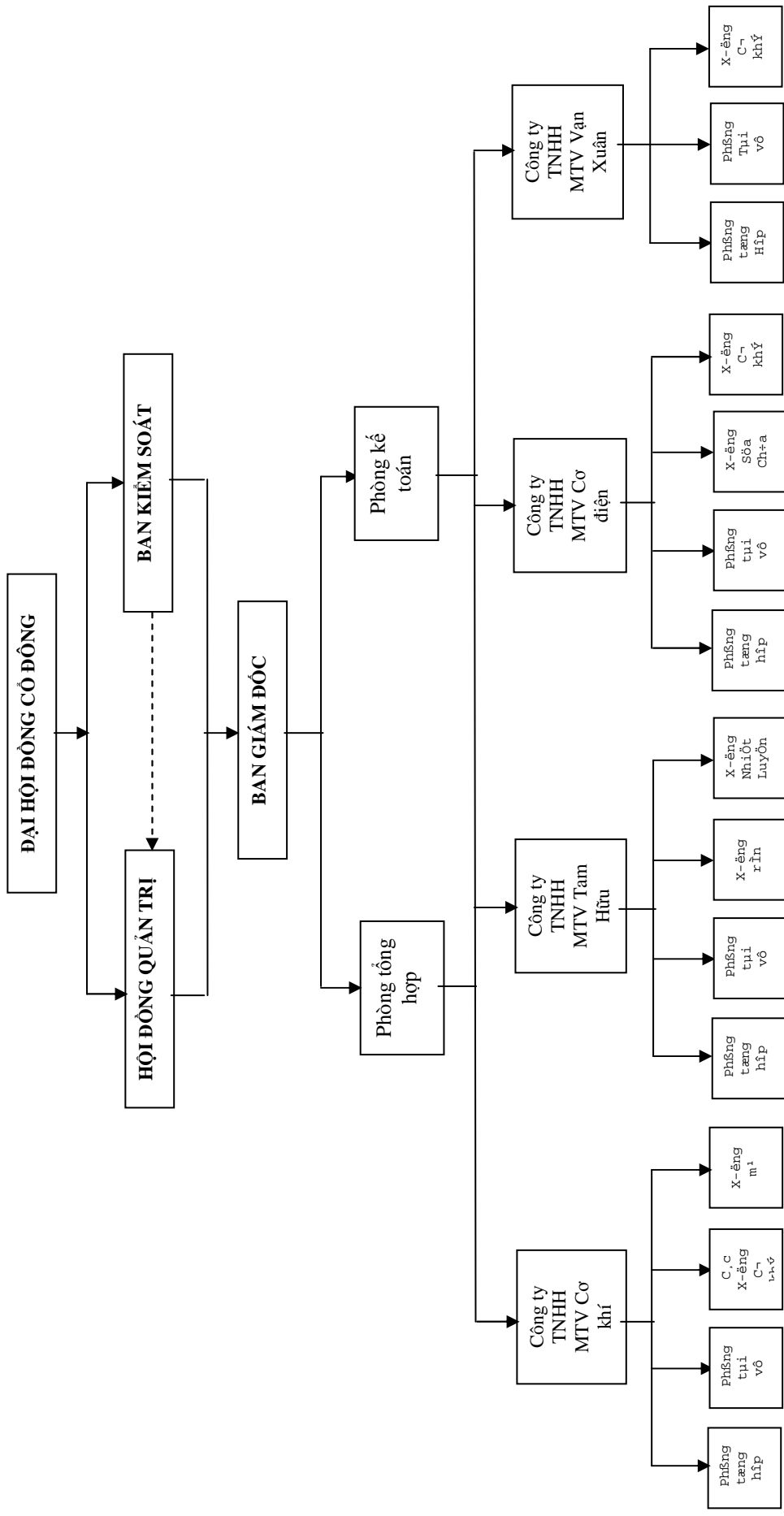
- Lần thứ nhất vào năm 2007, Công ty đã phát hành 210.000 cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ thực hiện quyền 10:1), tăng vốn điều lệ từ 21.000.000.000 đồng lên 23.100.000.000 đồng, theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2007.

- Năm 2008, Công ty tiến hành tăng vốn điều lệ lần thứ 2, dưới hình thức phát hành cổ phiếu trả cổ tức và chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Trong đó, phát hành 224.641 cổ phần trả cổ tức (tỷ lệ phân bổ quyền 10:1) và chào bán 365.389 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá bán 15.000 đồng/cổ phần, nâng vốn điều lệ lên 29.000.000.000 đồng.

Qua 02 lần phát hành tăng vốn Điều lệ do điều kiện công ty ở xa, việc cập nhật thông tin cũng như sự hiểu biết về văn bản pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán còn hạn chế, nên việc chào bán chứng khoán chưa thực hiện đúng với quy định hiện hành. Vì vậy ngày 04/8/2009 Ủy ban chứng khoán nhà nước đã có văn bản số 1568/UBCK- TT ngày 02/8/2009 phạt vi phạm hành chính đối với Công ty MEINFA với mức phạt là 60 triệu đồng. Công ty MEINFA đã chấp hành nghiêm túc và nộp đủ số tiền phạt vào ngân sách nhà nước trong năm 2009.

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY



3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty

3.1. Đại hội đồng cổ đông

ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền quyết định tỷ lệ trả cổ tức hàng năm; phê chuẩn báo cáo tài chính hàng năm; bầu và bãi miễn HĐQT, BKS; bổ sung và sửa đổi Điều lệ; quyết định loại và số lượng cổ phần phát hành; sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty; tổ chức lại và giải thể Công ty.

3.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty. HĐQT có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông. HĐQT của công ty gồm 05 thành viên do ĐHĐCĐ bầu, bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

3.3. Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên, do ĐHĐCĐ lựa chọn. Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra, là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông.

3.4. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty gồm một Tổng Giám đốc và 03 Phó Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm và bãi nhiệm.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trực tiếp và chủ yếu trước HĐQT về việc tổ chức, quản lý, điều hành toàn diện các hoạt động tác nghiệp hằng ngày của Công ty theo nghị quyết, quyết định của HĐQT.

Phó Tổng Giám đốc được Tổng Giám đốc phân công, ủy nhiệm quản lý và điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty. Phó Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và liên đới trách nhiệm với Tổng Giám đốc trước HĐQT trong phạm vi được phân công, ủy nhiệm.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại ngày 20/10/2010

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số ĐKSH	Số cổ phần nắm giữ	% trên vốn điều lệ
1	Nguyễn Thị Ung	Phường Thắng Lợi - Sông Công - Thái Nguyên	090150085	334.770	11,54%
2	Hoàng Như Nguyễn	Phường Thắng Lợi - Sông Công - Thái Nguyên	090129850	243.538	8,40%
3	Đình Văn Vinh	Phường Cải Đan - Sông Công - Thái Nguyên	090110333	241.189	8,32%
4	Chen Ji Fu	Taichung-Hsien-Tai Wan	131793200	200.204	6,90%
5	Phạm Văn Sáu	Phường Mỏ Chè - Sông Công - Thái Nguyên	090465026	180.903	6,24%
Tổng cộng				1.206.654	41,40%

(Nguồn: Công ty cổ phần Meinfa)

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập

Bảng 2: Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1703000013, Đăng ký thay đổi lần thứ 3, ngày 22/12/2008

STT	Tên cổ đông sáng lập	Nơi đăng ký HKTT đối với các cá nhân	Số cổ phần
1	Hoàng Như Nguyễn	TX Sông Công - Thái Nguyên	159.404
2	Phạm Văn Sáu	TX Sông Công - Thái Nguyên	179.658
3	Đình Văn Vinh	TX Sông Công - Thái Nguyên	157.415
4	Nguyễn Tất Trường	TX Sông Công - Thái Nguyên	100.309
5	Trần Văn Hùng	TX Sông Công - Thái Nguyên	83.226
6	Đàm Đức Thụ	Ngõ 290 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội	37.224
7	297 cổ đông khác		2.182.764

(Nguồn: Công ty cổ phần Meinfa)

Căn cứ vào quy định tại Điều 84 Khoản 5 Luật Doanh nghiệp 2005: “Trong thời hạn ba năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông...” Công ty nhận Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh cấp lần đầu ngày 21 tháng 12 năm 2001, do vậy, thời hạn hiệu lực của việc hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập là đến hết ngày 21 tháng 12 năm 2004.

4.3. Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 20/10/2010

Bảng 3: Cơ cấu cổ đông của Công ty

Chỉ tiêu	Cổ phần	Tỷ lệ
Cổ đông trong nước	2.699.796	93,10%
Cá nhân	2.650.776	91,41%
Tổ chức	-	-
Cổ phiếu quỹ	49.020	1,69%
Cổ đông nước ngoài	200.204	6,90%
Cá nhân	200.204	6,90%
Tổ chức	-	-
Tổng số	2.900.000	100,00%

(Nguồn: Công ty cổ phần Meinfa)

4.4. Cổ phiếu quỹ của Công ty

Cổ phiếu quỹ của Công ty được hình thành do cam kết của Công ty đối với người lao động trong Công ty khi thực hiện phương án cổ phần hóa: Công ty cam kết mua lại số cổ phần của người lao động trong Công ty đã mua cổ phần của Công ty, khi có nhu cầu chuyển nhượng mà không chuyển nhượng được cho nhà đầu tư khác thì công ty sẽ mua lại theo giá thỏa thuận. Công ty Meinfa đã thực hiện mua cổ phiếu quỹ từ năm 2002 đến năm 2008 bằng nguồn Quỹ đầu tư phát triển.

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký giao dịch, những công ty mà tổ chức đăng ký giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

5.1. Danh sách các công ty nắm quyền kiểm soát đối với Công ty Cổ phần MEINFA (Không có)

5.2. Danh sách các công ty mà Công ty Cổ phần MEINFA đang nắm giữ quyền kiểm soát, chi phối (Nguồn: Công ty cổ phần Meinfa)

Tính đến thời điểm ngày 31/12/2010, danh sách các công ty mà Công ty Cổ phần MEINFA đang nắm giữ quyền kiểm soát, chi phối bao gồm:

a. Công ty TNHH MTV Tam Hữu

- Địa chỉ: Phường Mô Chè, Thị xã Sông Công, Tỉnh Thái Nguyên
- Giấy CN ĐKKD Số 4600587845 đăng ký lần đầu ngày 5/5/2009, thay đổi lần 1 ngày 20/8/2009 do Sở KH&ĐT tỉnh Thái Nguyên cấp.
- Ngành nghề kinh doanh của Công ty:
 - + Sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu các sản phẩm cơ khí thông dụng, dụng cụ, trang thiết bị, máy phục vụ y tế, dụng cụ chăn nuôi, thú y, phụ tùng xe máy, ô tô;
 - + Sản xuất, chế tạo khuôn mẫu, dụng cụ đo, cắt cho ngành sản xuất cơ khí;
 - + Mua bán, nhập khẩu vật tư phục vụ sản xuất cơ khí;
 - + Nhập khẩu máy, thiết bị cơ khí, máy dập, máy phay, máy tiện, lò nung, lò ủ..
- Vốn điều lệ đăng ký: 15.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 15.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ vốn góp của Meinfa: 100%

b. Công ty TNHH MTV Cơ điện

- Địa chỉ: Phường Cải Đan, Thị xã Sông Công, Tỉnh Thái Nguyên
- Giấy CN ĐKKD Số 1704000136 do Sở KH&ĐT tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 13/06/2008 và thay đổi lần 2 ngày 7/11/2010.
- Ngành nghề kinh doanh của Công ty:
 - + Sản xuất, mua bán, chế tạo, sửa chữa thiết bị dùng trong sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, phương tiện vận tải đường bộ, đường thủy;
 - + Nhập khẩu, mua bán phụ tùng, máy công cụ, phương tiện vận tải đường thủy, đường bộ;

+ Xuất nhập khẩu các loại máy, thiết bị công nghiệp, nông nghiệp, vận tải đường bộ và đường thủy.

- Vốn điều lệ đăng ký: 10.000.000.000 đồng

- Vốn điều lệ thực góp: 10.000.000.000 đồng (Đã bỏ sung đủ vào ngày 3/11/2010 theo quyết định số 343/QĐ/HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty .

- Tỷ lệ vốn góp của Meinfa: 100%

c. Công ty TNHH MTV Vạn Xuân

- Địa chỉ: Phường Cải Đan, Thị xã Sông Công, Tỉnh Thái Nguyên

- Giấy CN ĐKKD Số 170400009 do Sở KH&ĐT tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 20/4/2005, cấp lần 2 ngày 17/4/2008.

- Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

+ Sản xuất, mua bán, chế tạo và xuất khẩu sản phẩm cơ khí (kìm, búa, kéo);

+ Sản xuất các loại khuôn mẫu, trang bị công nghệ cho sản xuất sản phẩm cơ khí;

- Vốn điều lệ đăng ký: 5.000.000.000 đồng

- Vốn điều lệ thực góp: 5.000.000.000 đồng

- Tỷ lệ vốn góp của Meinfa: 100%

d. Công ty TNHH MTV Cơ khí

- Địa chỉ: Phường Mỏ Chè, Thị xã Sông Công, Tỉnh Thái Nguyên

- Giấy CN ĐKKD số 4600587877 do Sở KH&ĐT tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 05/05/2009, cấp lần 2 ngày 16/11/2009

- Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

+ Sản xuất mua bán, chế tạo sản phẩm cơ khí phục vụ công, nông, lâm, ngư nghiệp, chăn nuôi, thú y, xây dựng, các sản phẩm phục vụ y tế, phụ tùng phương tiện vận tải đường không, đường thủy, đường bộ.

+ Sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, công cụ phục vụ sản xuất cơ khí, đúc, luyện

+ Sản xuất, mua bán, nhập khẩu máy móc, thiết bị cơ khí, thiết bị công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp, xe máy, phương tiện giao thông đường bộ, đường thủy, thiết bị xây dựng

- Vốn điều lệ đăng ký: 10.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 10.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ vốn góp của Meinfa: 100%

5.3. Danh sách các công ty mà Công ty Cổ phần MEINFA liên doanh liên kết (Không có)

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Sản phẩm dịch vụ chính

Hiện nay, Nhà máy sản xuất chính của Công ty được xây dựng trên diện tích 44.196 m², trong đó khu vực sản xuất là 12.000 m².

Công ty sử dụng dây chuyền sản xuất gồm các máy móc thiết bị đồng bộ, trong đó có các máy móc hiện đại như: máy dập 1.000 tấn, 1.300 tấn, máy cắt dây CNC, máy cắt tia lửa điện, máy tiện CNC, máy phay CNC 3 đầu trục, các máy hàn robot, dây chuyền sơn tĩnh điện, dây chuyền nhiệt luyện liên tục có khí bảo vệ, lò tôi chân không, lò thấm nitơ, máy in nhãn mác sản phẩm bằng công nghệ laser, sử dụng thiết bị hiện đại để kiểm tra chất lượng sản phẩm bằng máy chuyên dụng dò siêu âm vết nứt kim loại, máy kiểm tra độ cứng tế vi... Thiết bị của Công ty không ngừng được trang bị đổi mới. Hàng năm, công ty đầu tư tăng thêm trên 20% trị giá vốn để mua mới thiết bị.

Các sản phẩm chính hiện nay của công ty là dụng cụ y tế và trang thiết bị bệnh viện, dụng cụ làm vườn và chăn nuôi thú y, dụng cụ cầm tay, phụ tùng xe máy,.... Trong đó:

- Dụng cụ y tế và trang thiết bị bệnh viện được tiêu thụ trong nước, trang bị cho các bệnh viện, các trung tâm y tế và cung cấp cho một số tổ chức nước ngoài viện trợ cho Việt Nam như: JICA, WHO, UNICEF, UNFPA,.... và ngoài ra còn xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, Đài Loan, ...
- Dụng cụ cơ khí, sản phẩm phụ tùng xe gắn máy, các sản phẩm từ kim loại...

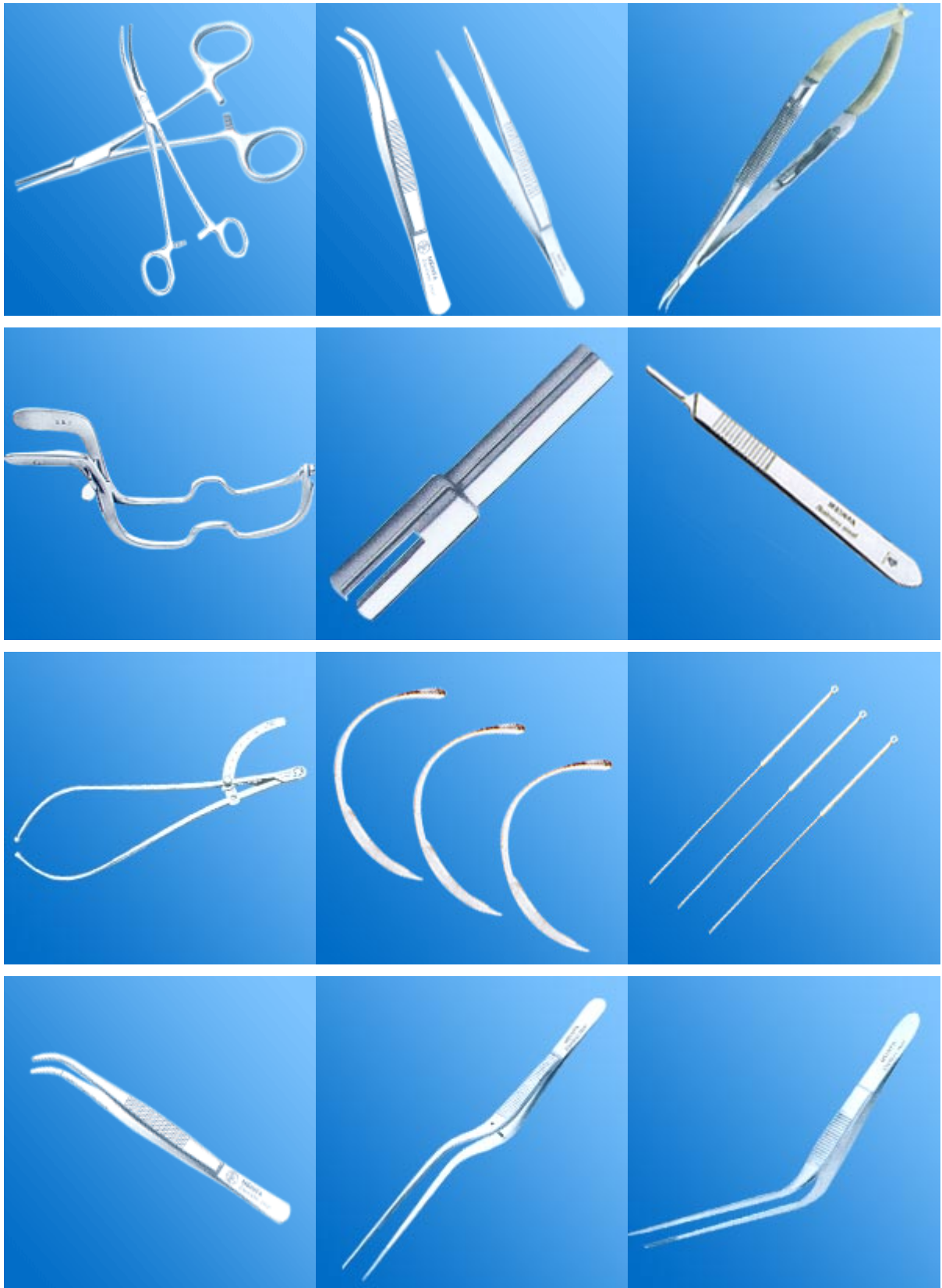


- Dụng cụ làm vườn và chăn nuôi thú y được xuất khẩu sang Pháp.
- Dụng cụ cầm tay được xuất khẩu đi các nước như: Đài Loan, Đức, Ý, Mỹ và xuất bán nội địa.

Sau đây là một số hình ảnh về các sản phẩm của công ty:

- **Dụng cụ y tế:**





- Trang thiết bị bệnh viện:



- Dụng cụ làm vườn và chăn nuôi thú y:



- Dụng cụ cầm tay:





6.1.1. Cơ cấu sản lượng theo sản phẩm của Công ty

Cơ cấu về sản lượng sản phẩm và doanh thu trong 2 năm 2009, 2010

Bảng 4: Cơ cấu sản lượng các sản phẩm của Công ty

Đơn vị: Nghìn cái

STT	Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010
1	Sản phẩm kim các loại	2.780	4.589
2	Sản phẩm dụng cụ thú y	295	3.712
3	Sản phẩm y tế	26	14
4	Sản phẩm phụ tùng xe máy	50	21
5	Khuôn mẫu + Trang thiết bị công nghệ	748	737

(Nguồn: Công ty cổ phần Meinfa)

Chiếm tỷ trọng lớn trong sản lượng các sản phẩm của Công ty là các loại kim, tuy nhiên có thể thấy rõ tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế đến hoạt động sản xuất của Công ty, thật vậy, sản lượng các sản phẩm của Công ty năm 2009 đã giảm gần như 50% so với năm 2008 (trừ các khuôn mẫu và trang thiết bị công nghệ). Năm 2010, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh đã phần nào hồi phục, đặc biệt là đối với các mặt hàng dụng cụ thú y, sản phẩm y tế và khuôn mẫu. Sản lượng kim sản xuất ra giảm mạnh so với các năm trước. Tuy nhiên do giá cả các mặt hàng biến động mạnh, cũng như tình hình tiêu thụ sản phẩm giảm đi do đó, một số mặt hàng tuy sản lượng sản xuất ra lớn nhưng tỷ trọng doanh thu lại giảm.

6.1.2. Cơ cấu doanh thu theo sản phẩm

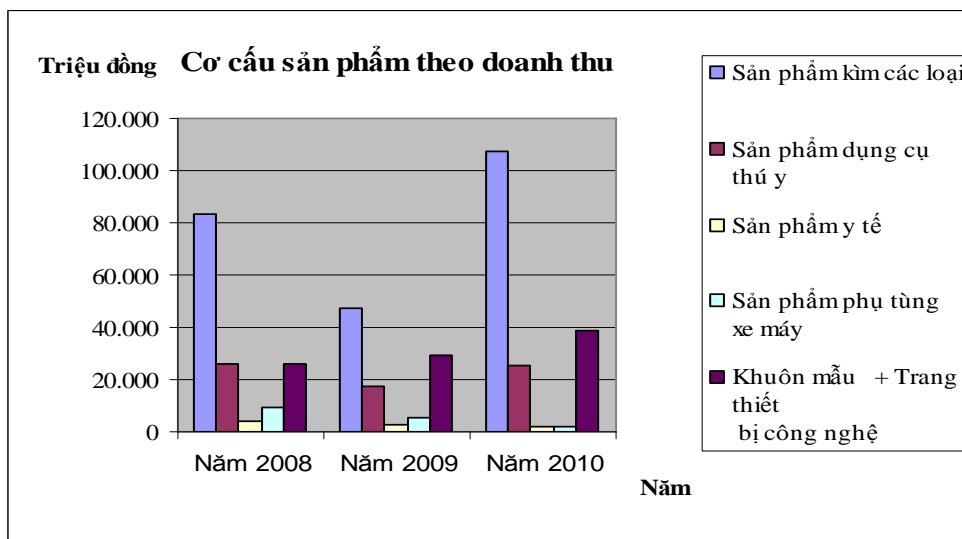
Cơ cấu doanh thu theo sản phẩm của Công ty như sau:

Bảng 5: Cơ cấu doanh thu các sản phẩm của Công ty

Đơn vị tính DT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2009		Năm 2010	
		DT	%/DT thuần	DT	%/DT thuần
1	Sản phẩm kim các loại	47.489	31,88%	107.442	61,41%
2	Sản phẩm dụng cụ thú y	17.126	11,50%	25.125	14,36%
3	Sản phẩm y tế	2.899	1,95%	1.911	1,09%
4	Sản phẩm phụ tùng xe máy	5.041	3,38%	1.940	1,1%
5	Khuôn mẫu + Trang thiết bị công nghệ	29.537	19,83%	38.555	22,03%
7	Tổng cộng	102.092	68,53%	174.973	100%

(Nguồn: Công ty cổ phần Meinfa)



6.2. Kế hoạch phát triển kinh doanh:

Để nâng cao hiệu quả và phát triển hoạt động kinh doanh cũng như đáp ứng tốt nhu cầu của khách hàng, Công ty chú trọng vào các kế hoạch sau:

- a. Về thị trường
 - Tiếp cận Thị trường xuất khẩu để tạo thêm khách hàng, đa dạng hóa mặt hàng.
 - Tìm kiếm và mở rộng thị trường trong nước, có chính sách hợp lý, giá cả phù hợp để người VN dùng hàng VN
- b. Về đầu tư

- Ưu tiên nguồn tài chính hợp lý cho hoạt động đầu tư, mở rộng nhà xưởng, hiện đại hóa trang thiết bị, công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất và chất lượng sản phẩm.

- Tăng cường quản lý chất lượng sản phẩm, nâng cao hiệu quả hoạt động của các Công ty con thành viên, nhất là các công ty mới thành lập như: Công ty TNHH MTV Tam Hữu, Công ty TNHH MTV Cơ khí, tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất.

c. Về nhân lực

- Cải thiện điều kiện làm việc, có chính sách phù hợp nhằm thu hút lao động có trình độ chuyên môn cao, cải thiện điều kiện làm việc tăng thu nhập cho người lao động, đưa thu nhập của người lao động đạt khoảng 3 triệu đồng/tháng.

- Thường xuyên có chế độ tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực công tác, tay nghề cho nguồn lao động hiện tại

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công nhân viên năng động, sáng tạo, mạnh dạn phát huy những sáng kiến, kinh nghiệm, có tinh thần làm việc nghiêm túc, thái độ làm việc chuyên nghiệp.

d. Về sản phẩm và dịch vụ

Trên cơ sở các mặt hàng truyền thống, công ty chú trọng tăng sản lượng sản xuất hàng năm. Theo sát sao tình hình biến động của thị trường trong nước và xuất khẩu về mẫu mã về các thông số kỹ thuật ... để cải tiến sản phẩm đưa ra các sản phẩm tối ưu nhất, tăng doanh thu và các khoản thu nhập khác của công ty.

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm liền trước năm đăng ký giao dịch

Tóm tắt một số chỉ tiêu về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2009 và năm 2010 của Công ty:

Bảng 6: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	% Tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	127.808.767.756	139.634.827.659	9,25%
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	148.965.355.601	174.973.015.588	17,46%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	13.991.816.506	27.011.123.475	93,05%

Lợi nhuận khác	-964.315.348	-19.455.326	-
Lợi nhuận trước thuế	13.027.501.158	26.991.668.149	107,19%
Lợi nhuận sau thuế	11.640.269.449	21.417.047.785	83,99%
Tỷ lệ LN trả cổ tức	76,73%	54,16 %	-21,97%

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm, 2009, 2010)

Năm 2009, do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng chịu tác động không nhỏ, hàng hoá của công ty tiêu thụ rất khó khăn, nhiều đơn hàng xuất khẩu bị từ chối do không tiêu thụ được, thị trường trong nước giảm tới 70% so với năm 2008, đặc biệt thị trường tiêu thụ mặt hàng phụ tùng xe máy giảm tới 90% nên kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2009 công ty không hoàn thành chỉ tiêu sản xuất và doanh thu. Năm 2010 Công ty đã lấy lại được thị trường bán hàng chủ yếu là thị trường trong nước, nên tổng giá trị sản xuất tăng và doanh thu bán hàng tăng hơn so với năm 2009. Ngoài việc tăng sản lượng sản xuất và doanh thu, công ty còn đổi mới cách quản lý, thực hiện mô hình Công ty mẹ - Công ty con, tiết kiệm triệt để chi phí sản xuất và những chính sách hỗ trợ của Chính phủ năm 2009 (gói hỗ trợ kinh tế) nên lợi nhuận năm 2009 vẫn vượt chỉ tiêu đề ra. Năm 2010 lợi nhuận đạt cao hơn kế hoạch đề ra và cao hơn năm 2009. Cụ thể: Tổng sản lượng sản xuất năm 2010 đạt 139.634.827.659 đồng tăng hơn năm 2009 là 9,25%, Doanh thu năm 2010 đạt 174.973.015.588 tăng 17,46% so với năm 2009, lợi nhuận trước thuế đạt 26.991.668.149 đồng, tăng 107,19% so với năm 2009.

Trong năm 2010, các chỉ tiêu phản ánh tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều rất tốt. Như vậy, có thể thấy mô hình quản lý mà Công ty lựa chọn đã phát huy hiệu quả cao, tiết kiệm chi phí, nâng cao lợi nhuận cho Công ty. Đây là tiền đề cho Ban lãnh đạo Công ty mạnh dạn đặt ra các mục tiêu sản xuất kinh doanh cao trong các năm tiếp theo.

Tuy nhiên trong báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2010 có những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán viên được nêu ra là: Công ty thực hiện đánh giá lại giá trị hàng tồn kho trong năm 2010. Việc đánh giá lại giá trị hàng tồn kho dẫn tới giá trị hàng tồn kho cuối năm lớn hơn so với giá trị hàng tồn kho trên sổ sách trước khi đánh giá lại là 3,6 tỷ đồng.

Từ năm 2009 sau khi thực hiện việc tách các công ty con hạch toán độc lập, công ty mẹ không sản xuất trực tiếp mà chỉ hoạt động kinh doanh, nên công ty mẹ không sử dụng TK 155 (Thành phẩm) mà sử dụng TK 156 (Hàng hoá) để hạch toán. Khi xác định giá trị hàng hoá tồn kho công ty mẹ sử dụng giá mua vào mà không sử

dụng giá thành sản xuất. Trong lượng hàng hoá tồn kho của công ty còn tồn một lượng hàng hoá sản xuất từ các năm trước bị ứ đọng không tiêu thụ được, không xác định được thời gian sản xuất từ năm nào. Vì vậy công ty thực hiện xác định lại giá trị hàng tồn kho theo giá mua thực tế và trích dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Việc đánh giá lại giá trị hàng tồn kho và trích dự phòng giảm giá hàng tồn kho của công ty phù hợp với thực tế và được cơ quan Thuế địa phương chấp thuận.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

7.2.1. Các thuận lợi

- Công ty Cổ phần MEINFA tiền thân là Nhà máy Y Cụ 2, được chuyển sang Bộ Y tế từ năm 1981, do đó Công ty được sự hỗ trợ đáng kể về vốn vay từ Tổng Công ty Thiết bị Y tế Việt Nam. Các khoản vay Tổng Công ty Thiết bị Y tế Việt Nam đều là các khoản vay tín chấp với lãi suất ưu đãi, nên đã giúp Công ty đáp ứng được nguồn vốn sản xuất kinh doanh với chi phí rẻ, từ đó hạ giá thành sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh.
- Ban lãnh đạo của Công ty là những cán bộ có trình độ chuyên môn cao, nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực cơ khí, chế tạo máy và thiết bị y tế, đã gắn bó với Công ty và người lao động từ ngày đầu thành lập, do đó hiểu rõ điểm yếu và thế mạnh của họ, phát huy tốt nhất hiệu quả làm việc.
- Các sản phẩm của Công ty, nhất là các mặt hàng thiết bị y tế có thị trường tiêu thụ lớn và ổn định.
- Là doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên nên chi phí nhân công rẻ, do đó tiết kiệm được chi phí sản xuất kinh doanh.

7.2.2. Các khó khăn

Bên cạnh những nhân tố thuận lợi, Công ty phải đối mặt với những khó khăn nhất định, tiêu biểu như sau:

- Do tác động của khủng hoảng kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng, giá cả lương thực, nông sản biến động khó lường, tình hình kinh doanh các mặt hàng này gặp nhiều khó khăn; lãi suất ngân hàng tăng; chính sách quản lý của Nhà nước thay đổi làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty
- Các mặt hàng, sản phẩm truyền thống của Công ty có tỷ suất lợi nhuận cao, do đó không tránh khỏi sự cạnh tranh gay gắt từ các nhà cung cấp khác.
- Trình độ chuyên môn người lao động còn nhiều hạn chế. Lực lượng lao động phần lớn là lao động phổ thông.

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của công ty trong ngành

Công ty Cổ phần MEINFA tiền thân là Nhà máy Y cụ 2 - Bộ Y tế, thành lập năm 1975, và năm 2001 được chuyển thành công ty cổ phần theo chính sách cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước. Công ty đã có gần 30 năm hoạt động kinh doanh trong ngành thiết bị y tế. Khi chuyển sang công ty cổ phần, công ty đã nhanh chóng đầu tư, hiện đại hóa trang thiết bị, phát triển sản xuất, đa dạng sản phẩm về mẫu mã, nâng cấp chất lượng. Thương hiệu MEINFA đã được khẳng định và có uy tín trên thị trường nội địa cũng như quốc tế.

Theo thống kê trên trang web <http://www.vinacorp.vn>, tỷ lệ Cổ tức/Thị giá của nhóm ngành Y tế và Thiết bị Y tế là 13,71%. Mức cổ tức mà Meinfa chia cho các cổ đông là khá cao, lần lượt là 15%-30% trong năm 2008 và 2009, năm 2010 cổ tức được chia là 40%. Như vậy, có thể thấy, tỷ lệ cổ tức mà Công ty trả cho các cổ đông là cao so với ngành. Trong tương lai, khi các Công ty thành viên của Meinfa phát huy hiệu quả hoạt động, lợi nhuận kỳ vọng của Công ty sẽ ngày càng cao.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Ngành Y tế và Thiết bị Y tế là một ngành nghề thiết yếu của các quốc gia, trong đó có Việt Nam. Do đó, các doanh nghiệp trong ngành luôn nhận được sự quan tâm hỗ trợ của Nhà nước. Trong thời gian qua, Đảng và Nhà nước ta cũng đã có nhiều chính sách khuyến khích đầu tư, hiện đại hóa, nâng cao hiệu quả và phát triển ngành Y tế và Thiết bị Y tế, như ưu đãi đầu tư mua sắm trang thiết bị, đào tạo nhân lực, miễn giảm thuế... Do đó, triển vọng phát triển của ngành trong những năm tiếp theo là rất lớn.

8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Định hướng của Công ty trong tương lai là phát triển bền vững trên cơ sở thực hiện tốt việc sử dụng có hiệu quả và phát triển vốn của Công ty; mở rộng thị trường, nâng cao hiệu quả các hoạt động đầu tư. Về nhân sự, Công ty chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nâng cao trình độ đội ngũ quản lý; Về công nghệ, Công ty không ngừng đổi mới, cải tiến công nghệ nhằm đạt được hiệu quả sản xuất kinh doanh lớn nhất.

Định hướng phát triển của Công ty là phù hợp với định hướng phát triển của ngành cũng như các chính sách của Nhà nước.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng người lao động trong công ty

Hiện nay, tổng số lượng người lao động của Công ty là 622 người, trong đó:

Bảng 7: Cơ cấu lao động của Công ty theo đối tượng và trình độ lao động.

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ(%)
1	Phân theo đối tượng lao động	622	
1.1	Quản lý điều hành	40	6,43
1.2	Cán bộ kỹ thuật – nghiệp vụ	78	12,54
1.3	Tác nghiệp	504	81,03
2	Phân theo trình độ lao động	622	
2.1	Trình độ đại học trở lên	49	7,88
2.2	Trình độ cao đẳng	14	2,25
2.3	Trình độ trung cấp	56	9,00
2.4	Lao động tay nghề	434	69,77
2.5	Lao động phổ thông	69	11,09

(Nguồn: Công ty Cổ phần Meinfa)

Có thể thấy, tỷ lệ lao động tay nghề của Công ty chiếm tỷ lệ cao trong cơ cấu lao động của Công ty (gần 70%). Do đó, vấn đề đào tạo, nâng cao trình độ cho lực lượng này cần được chú trọng hơn nữa trong thời gian tới.

9.2. Chính sách đào tạo, tuyển dụng, lương thưởng

Thời gian làm việc

Hiện nay, Công ty đang áp dụng chế độ làm việc 48 giờ/tuần. Mỗi tuần làm việc 6 ngày từ thứ 2 đến thứ 7 và mỗi ngày làm việc 8 giờ. Các chế độ nghỉ lễ, tết được Công ty giải quyết theo đúng quy định Nhà nước.

Công tác tuyển dụng

Việc tuyển dụng lao động và trả lương thực hiện theo chế độ hợp đồng lao động giữa Tổng Giám Đốc hoặc người được Tổng Giám Đốc ủy quyền và người lao động phù hợp với quy định của pháp luật và theo Điều lệ Công ty.

Quyền lợi của người lao động

Công ty luôn đảm bảo mọi quyền lợi cho người lao động tại đơn vị theo quy định của pháp luật lao động (BHXH, BHYT, phép năm, nghỉ mát, đồng phục, bảo hộ lao động...).

10. Chính sách cổ tức

Công ty chi trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và ngay khi trả hết cổ tức đã định, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn trả. ĐHĐCĐ thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức chi trả cho cổ đông dựa trên đề xuất của Hội đồng Quản trị.

– Năm 2008:

+ Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế được phân phối để chia cổ tức: 55,02%

+ Tỷ lệ cổ tức được chia: 15%

– Năm 2009:

+ Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế được phân phối để chia cổ tức: 76,73%

+ Tỷ lệ cổ tức được chia: 30%

- Năm 2010 :

+ Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế được phân phối để chia cổ tức: 54,16 %

+ Tỷ lệ cổ tức được chia: 40 %

Có thể thấy, mức chia cổ tức cũng như tỷ lệ lợi nhuận chia cổ tức/lợi nhuận sau thuế của Công ty khá cao và có mức tăng trưởng mạnh, điều này thể hiện sự phát triển mạnh mẽ của Công ty, cũng như sự quan tâm kịp thời đến quyền lợi của các cổ đông.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

11.1.1. Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình, Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Bảng 8: Tình hình trích khấu hao tài sản cố định của Công ty

STT	Tài sản	Thời gian khấu hao
1	Nhà cửa, Vật kiến trúc	10 năm
2	Máy móc, thiết bị	3 - 12 năm
3	Phương tiện vận tải	10 - 30 năm
4	Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm
5	Tài sản cố định khác	07 - 16 năm
6	Quyền sử dụng đất	20 năm
7	Phần mềm kế toán	03 năm

11.1.2. Mức lương bình quân

Năm 2009 mức lương bình quân của Công ty là 2,5 triệu đồng/người/tháng. Năm 2010 mức lương bình quân của Công ty lên 2,8 triệu đồng/người /tháng. Đây là mức lương khá cao so với các doanh nghiệp trong ngành và trong khu vực .

11.1.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Hiện nay Công ty không có khoản nợ quá hạn nào, các khoản nợ phải trả ngắn và trung hạn đều được Công ty thanh toán đúng hạn.

11.1.4. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn thanh toán đầy đủ, đúng hạn các nghĩa vụ nộp thuế và các khoản phải nộp khác cho người lao động.

11.1.5. Trích lập các quỹ

Tình hình trích lập các quỹ của Công ty trong các năm tài chính 2008, 2009 và 9 tháng năm 2010 như sau:

Bảng 9: Tình hình trích lập quỹ của Công ty

Đơn vị: VNĐ

STT	Quỹ được trích lập	31/12/2009	31/12/2010
1	Quỹ đầu tư phát triển	8.882.034.466	9.934.695.687
2	Quỹ dự phòng tài chính	1.969.732.470	2.351.898.091
3	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	-521.389.721	(282.041.445)

(Nguồn: BCTC Hợp nhất đã được kiểm toán năm 2009, 2010)

11.1.6. Tổng dư nợ vay

Tính đến thời điểm 31/12/2010, số dư nợ vay của Công ty như sau:

- Vay và nợ ngắn hạn: 67.740.353.032 đồng
- Vay và nợ dài hạn: 8.402.431.635 đồng

11.1.7. Tình hình công nợ hiện nay

Tình hình các khoản công nợ phải thu và phải trả của Công ty hiện nay như sau:

Bảng 10: Tình hình công nợ của Công ty

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	31/12/2010	31/12/2009
Các khoản phải thu	28.601.850.607	25.790.561.111
Phải thu của khách hàng	26.546.421.323	20.371.682.925
Trả trước cho người bán	983.609.149	4.230.841.206
Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-
Các khoản phải thu khác	1.564.659.420	1.689.771.408
Dự phòng các khoản phải thu	(492.839.285)	-501.734.428
Các khoản phải trả	76.142.784.667	73.983.520.696
Nợ ngắn hạn	67.740.353.032	67.771.967.315
Vay và nợ ngắn hạn	45.921.789.748	48.273.747.729
Phải trả người bán	6.571.467.112	7.076.677.338
Người mua trả tiền trước	2.918.121.451	5.996.253.500
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6.007.796.482	2.288.116.272
Phải trả người lao động	5.603.847.676	3.408.378.103
Chi phí phải trả	500.531.727	380.996.315
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	498.840.271-	869.187.779-
Quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi	(282.041.445)	9521.389.721)
Nợ dài hạn	8.402.431.635	6.211.535.381
Vay và nợ dài hạn	7.890.508.737	5.885.169.553
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	511.922.898	326.365.828

(Nguồn: BCTC Hợp nhất đã được kiểm toán năm 2009, 2010)

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty như sau:

Bảng 11: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty

Các chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSNH / Nợ ngắn hạn)	0,97	1,08
Hệ số thanh toán nhanh: (TSNH – Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	0,44	0,55
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,58	0,60
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,40	1,47
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	3,02	3,62
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,17	1,37
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	7,61%	12,23%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	22,63%	41,30%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	8,70%	16,72%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	9,39%	6,07%

(Nguồn: BCTC Hợp nhất đã kiểm toán năm 2009, 2010)

12. Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

Bảng 12: Danh sách HĐQT của Công ty

STT	Họ và tên	Năm sinh	Số CMND	Chức danh
1	Ông Hoàng Như Nguyễn	05/02/1952	090129850	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Ông Trần Văn Hùng	05/09/1962	090586307	Ủy viên Hội đồng quản trị
3	Ông Phạm Văn Sáu	26/04/1954	090465026	Ủy viên Hội đồng quản trị
4	Ông Nguyễn Tất Trường	13/02/1953	090129824	Ủy viên Hội đồng quản trị
5	Ông Đinh Văn Vinh	20/03/1954	090110333	Ủy viên Hội đồng quản trị

12.1.1. Ông Hoàng Như Nguyễn

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 05/02/1952
- Nơi sinh: Nghĩa Dân-Kim Động- Hưng Yên
- Số CMND: 090129850
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Nghĩa Dân-Kim Đông Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú: Tổ 13-phường Thăng Lợi TX Sông Công
- Điện thoại liên lạc: 0280.2210677
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế tạo máy
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 1975 đến năm 1980: Cán bộ nhà máy Y cụ 2
 - Từ năm 1980 đến năm 1983- Phó phòng kỹ thuật nhà máy Y cụ 2
 - Từ năm 1983 đến năm 1990- Phó giám đốc nhà máy Y cụ 2
 - Từ năm 1990 đến năm 2001- Giám đốc nhà máy Y cụ 2
 - Từ năm 2002 đến nay- Tổng giám đốc Công ty cổ phần MEINFA
- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty
- Chức vụ công tác ở Công ty khác: Không

- Số cổ phần nắm giữ: 243.538 cổ phần
 - Trong đó:
 - o Sở hữu cá nhân: 243.538
 - o Đại diện phần vốn của Tổ chức (Tên tổ chức): Không
 - o Đại diện phần vốn Nhà nước:
- Số cổ phần của những người có liên quan: 340.820 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch: Không

12.1.2. Ông Trần Văn Hùng

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó tổng giám đốc

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 05/09/1962
- Nơi sinh: Đình xá-Bình Lục- Hà Nam
- Số CMND: 090586307
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Đình Xá, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam
- Địa chỉ thường trú: Phường Mỏ Chè, thị xã Sông Công, tỉnh Thái Nguyên
- Điện thoại liên lạc: 02803862408
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế tạo máy
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 1985 đến năm 1988: KTV phân xưởng – Nhà máy Y cụ 2
 - Từ năm 1988 đến năm 1992: Phó phòng KCS – Nhà máy Y cụ 2
 - Từ năm 1992 đến 1994: Phó phòng kỹ thuật – Nhà máy Y cụ 2
 - Từ năm 1995 đến 1996: Trưởng phòng kỹ thuật – Nhà máy Y cụ 2
 - Từ năm 1996 đến 2001: Phó giám đốc – Nhà máy y cụ 2
 - Từ 2002 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần MEINFA
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT- Phó tổng giám đốc Công ty
- Chức vụ công tác ở Công ty khác: Không

- Số cổ phần nắm giữ: 120.450 cổ phần

Trong đó:

- o Sở hữu cá nhân: 120.450 cổ phần
- o Đại diện phần vốn của Tổ chức (Tên tổ chức): Không
- o Đại diện phần vốn Nhà nước: Không
 - Số cổ phần của những người có liên quan: 38.368 cổ phần
 - Các khoản nợ đối với Công ty : Không
 - Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
 - Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng k. giao dịch: Không

12.1.3. Ông Phạm Văn Sáu

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó tổng giám đốc

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 26/04/1954
- Nơi sinh: Lê Lợi- Kiến Xương- Thái Bình
- Số CMND: 090465026
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Lê Lợi – Kiến Xương – Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: Phường Mỏ Chè , thị xã Sông Công ,Thái Nguyên
- Điện thoại liên lạc: 2212230
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư đúc
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 1979 đến năm 1981: Công nhân đúc – Nhà máy Y cụ 2
 - Từ năm 1981 đến năm 1982: Nhân viên phòng vật tư – Nhà máy Y cụ 2
 - Từ 1982 đến 1986: Quyền trưởng phòng KCS – Nhà máy Y cụ 2
 - Từ 1986 đến 1990: Trưởng phòng KCS – Nhà máy Y cụ 2
 - Từ 1990 đến 1996: Trưởng phòng kế hoạch vật tu – Nhà máy Y cụ 2
 - Từ 1996 đến 2001: Phó Giám đốc nhà máy Y cụ 2
 - Từ 2002 đến nay: Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần MEINFA
- Chức vụ công tác hiện nay: UV-HĐQT Phó tổng giám đốc Công ty

- Chức vụ công tác ở Công ty khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 180.903 cổ phần

Trong đó:

- o Sở hữu cá nhân: 180.903 cổ phần
- o Đại diện phần vốn của Tổ chức (Tên tổ chức): Không
- o Đại diện phần vốn Nhà nước: Không
 - Số cổ phần của những người có liên quan: 270.638 cổ phần
 - Các khoản nợ đối với Công ty : Không
 - Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
 - Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng k. giao dịch: Không

12.1.4. Ông Nguyễn Tất Trường

Chức vụ: Thành viên HĐQT

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 13/02/1953
- Nơi sinh: Đoàn Tùng - Thanh Miện - Hải Dương
- Số CMND: 090129824
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Đoàn Tùng, Huyện Thanh Miện, Hải Dương
- Địa chỉ thường trú: Phường Mỏ Chè-thị xã Sông Công tỉnh Thái Nguyên
- Điện thoại liên lạc: 0982949278
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế tạo máy
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 1973 đến năm 1983: Nhân viên kỹ thuật – Nhà máy Y cụ 2
 - Từ năm 1983 đến năm 1987 Phó quản đốc xưởng Dụng cụ - Nhà máy Y cụ 2
 - Từ năm 1987 đến 1990: Thực tập sinh tại Tiệp Khắc
 - Từ năm 1990 đến 1992: Quản đốc phân xưởng – Nhà máy Y cụ 2
 - Từ năm 1992 đến 1995: Trưởng phòng kỹ thuật – Nhà máy Y cụ 2
 - Từ năm 1996 đến nay : Phó tổng giám đốc Công ty TNHH-MANI (Công ty đầu tư nước ngoài)

- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT Công ty
- Chức vụ công tác ở Công ty khác: Phó tổng giám đốc Công ty TNHH-MANI (Công ty đầu tư nước ngoài)
- Số cổ phần nắm giữ: 100.309 cổ phần

Trong đó:

- o Sở hữu cá nhân: 100.309 cổ phần
- o Đại diện phần vốn của Tổ chức (Tên tổ chức): Không
- o Đại diện phần vốn Nhà nước: Không
 - Số cổ phần của những người có liên quan: 15.890 cổ phần
 - Các khoản nợ đối với Công ty : Không
 - Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
 - Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch: Không

12.1.5. Ông Đinh Văn Vinh

Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 20/03/1954
- Nơi sinh: Mỹ Thịnh-Mỹ Lộc Nam Định
- Số CMND: 0901110333
- Quốc tịch: Việt nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Mỹ Thịnh, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định
- Địa chỉ thường trú: Phường cải Đan-thị xã Sông Công
- Điện thoại liên lạc: 0280.3862227
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Trung cấp kế toán
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 1971 đến năm 1976: Bộ đội
 - Từ năm 1976 đến năm 1980 Học sinh trường trung học kinh tế I
 - Từ năm 1980 đến 1985 Nhân viên kế toán nhà máy Y cụ 2
 - Từ 1985 đến 1991 Phó phòng kế toán nhà máy Y cụ 2
 - Từ 1992 đến 1998 trưởng phòng kế toán nhà máy Y cụ 2

- Từ năm 1998 đến 2001 Kế toán trưởng nhà máy Y cụ 2
- Từ năm 2002 đến nay kế toán trưởng Công ty cổ phần MEINFA
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT kế toán trưởng Công ty
- Chức vụ công tác ở Công ty khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 241.189 cổ phần

Trong đó:

- o Sở hữu cá nhân: 241.189 cổ phần
- o Đại diện phần vốn của Tổ chức (Tên tổ chức): Không
- o Đại diện phần vốn Nhà nước: Không
 - Số cổ phần của những người có liên quan: 192.150 cổ phần
 - Các khoản nợ đối với Công ty : Không
 - Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
 - Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch: Không

12.2. Ban Tổng Giám đốc

Bảng 13: Danh sách Ban Tổng Giám đốc của Công ty

STT	Họ và tên	Năm sinh	Số CMND	Ngày cấp	Chức danh
1	Ông Hoàng Như Nguyễn	05/02/1952	090129850	02/01/2007	Tổng Giám đốc
2	Ông Trần Văn Hùng	05/09/1962	090586307	27/02/2006	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Phạm Văn Sáu	26/04/1954	090465026	25/07/2005	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Đỗ Anh Quang	15/10/1968	090514378	27/04/1984	Phó Tổng Giám đốc

12.2.1. Ông Hoàng Như Nguyễn (Xem mục 12.1.1)

12.2.2. Ông Trần Văn Hùng (Xem mục 12.1.2)

12.2.3. Ông Phạm Văn Sáu (Xem mục 12.1.3)

12.2.4. Ông Đỗ Anh Quang

Chức vụ: Thành Viên Ban Kiểm soát kiêm Phó Tổng Giám đốc

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 15/10/1968
- Nơi sinh: Phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên
- Số CMND: 090514378
- Quốc tịch: Việt nam
- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Xã Đồng Quang-huyện Tứ lộc tỉnh Hải Dương
- Địa chỉ thường trú: Phường Mỏ Chè, thị xã Sông Công, tỉnh Thái Nguyên
- Điện thoại liên lạc: 0983862715
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế tạo
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 1992 đến năm 1995: Nhân viên kỹ thuật – Nhà máy Y cụ 2
 - Từ năm 1995 đến năm 1997: Phó phòng kỹ thuật – Nhà máy Y cụ 2
 - Từ năm 1997 đến 2001: Trưởng phòng kỹ thuật – Nhà máy Y cụ 2
 - Từ năm 2002 đến 2006: Trưởng phòng KHSX – Công ty cổ phần MEINFA
 - Từ năm 2006 đến nay: Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần MEINFA
 - Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc –Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ công tác ở Công ty khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 16.775 cổ phần

Trong đó:

o Sở hữu cá nhân: 16.775 cổ phần

o Đại diện phần vốn của Tổ chức (Tên tổ chức): Không

o Đại diện phần vốn Nhà nước: Không

- Số cổ phần của những người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch: Không

12.3. Ban Kiểm soát

Bảng 14: Danh sách Ban Kiểm soát của Công ty

STT	Họ và tên	Năm sinh	Số CMND	Ngày cấp	Chức danh
1	Ông Trần Hùng Tuấn	09/02/1949	090550410	31/10/1995	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Ông Đỗ Anh Quang	15/10/1968	090514378	27/04/1984	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Bà Nguyễn Thị Hoàng Tâm	28/11/1981	090726430	-	Thành viên Ban Kiểm soát

12.3.1. Ông Trần Hùng Tuấn

Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 09/02/1949
- Nơi sinh: Thị xã Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang
- Số CMND: 090530410
- Quốc tịch: Việt nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Tràng Đà, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang
- Địa chỉ thường trú: Phường Mỏ chè, thị xã Sông Công, tỉnh Thái Nguyên
- Điện thoại liên lạc: 0983502934
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: CN kỹ thuật
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 1966 đến năm 1968: Công nhân –Ban kiến thiết Nhà máy Y cụ 2
 - Từ năm 1968 đến năm 1969: Thực tập sinh tại Trung Quốc
 - Từ năm 1970 đến 1980: Công nhân nguội sửa chữa – Nhà máy Y cụ 2
 - Từ năm 1980 đến 1983: Phó quản đốc – Nhà máy Y cụ 2
 - Từ 1983 đến 1992: Quản đốc phân xưởng – Nhà máy Y cụ 2
 - Từ 1992 đến 2001: Trưởng phòng tổ chức - Nhà máy Y cụ 2
 - Từ năm 2002 đến 2008: Trưởng phòng TCLĐ công ty cổ phần MEINFA
 - Từ 2009 đến nay: Giám đốc Công ty TNHH-MTV Cơ điện
- Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng ban kiểm soát
- Chức vụ công tác ở Công ty khác: Giám đốc công ty TNHH-MTV cơ điện - Trưởng ban kiểm soát
- Số cổ phần nắm giữ: 22.775 cổ phần

Trong đó:

- o Sở hữu cá nhân: 22.775 cổ phần
- o Đại diện phần vốn của Tổ chức (Tên tổ chức): Không
- o Đại diện phần vốn Nhà nước: Không
 - Số cổ phần của những người có liên quan: 3.509 cổ phần

- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng k. giao dịch: Không

12.3.2. Ông Đỗ Anh Quang (Xem mục 12.2.4)

12.3.3. Bà Nguyễn Thị Hoàng Tâm

Chức vụ: Kiểm soát viên

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 28/11/1981
- Nơi sinh: Thái Nguyên
- Số CMND: 090726430
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nam
- Địa chỉ thường trú: Xóm Na Cóm – Xã Tích Lương – Tỉnh Thái Nguyên
- Điện thoại liên lạc: 0915174650
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 2008 đến năm 2009 công tác tại Công ty CP Meinfa
 - Từ năm 2009 đến nay công tác tại Công ty TNHH Hữu Nghị
- Chức vụ công tác hiện nay: Nhân viên Kế toán
- Chức vụ công tác ở Công ty khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phiếu

Trong đó:

- o Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu
- o Đại diện phần vốn của Tổ chức (Tên tổ chức): Không
- o Đại diện phần vốn Nhà nước: Không
 - Số cổ phần của những người có liên quan: 0 cổ phiếu
 - Các khoản nợ đối với Công ty : Không
 - Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
 - Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch: Không

12.4. Kế toán trưởng

Ông Đinh Văn Vinh (Xem mục 12.1.5)

13. Tài sản của công ty

13.1. Giá trị tài sản cố định hữu hình của Công ty

Giá trị tài sản cố định hữu hình của Công ty tại thời điểm 31/12/2010 như sau:

Bảng 15: Tình hình tài sản cố định hữu hình của Công ty tại thời điểm 31/12/2010

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
Nhà cửa vật kiến trúc	11.191.242.508	2.577.497.425	8.613.745.083
Máy móc thiết bị	63.645.470.822	15.742.889.644	47.902.581.178
Phương tiện vận tải	5.693.695.684	925.428.399	4.768.267.285
Thiết bị quản lý	415.946.191	267.382.290	148.563.901
Tổng cộng	80.946.355.205	19.513.197.758	61.433.157.447

(Nguồn: BCTC Hợp nhất đã được kiểm toán năm 2010)

Giá trị tài sản cố định hữu hình của Công ty tại thời điểm 31/12/2009 như sau:

Bảng 16: Tình hình tài sản cố định hữu hình của Công ty tại thời điểm 31/12/2009

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
Nhà cửa vật kiến trúc	13.175.331.050	3.719.501.222	9.455.829.828
Máy móc thiết bị	63.616.806.730	17.774.327.530	45.842.479.200
Phương tiện vận tải	3.715.717.918	2.353.550.018	1.362.167.900
Thiết bị quản lý	388.433.017	144.223.505	244.209.512
Tổng cộng	80.896.288.715	23.991.602.275	56.904.686.440

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2010)

13.2. Danh mục đất đai Công ty đang quản lý

Hiện nay, Công ty đang quản lý các mảnh đất sau:

Bảng 17: Danh mục đất đai Công ty đang quản lý

STT	Địa chỉ thửa đất	Diện tích (m ²)	Giấy chứng nhận QSD đất
1	Phường Mỏ chè	14.231	Số AC63730
		24.653	Số AC637301
2	Phường Mỏ chè	1232	Chưa cấp
3	Phường Thắng Lợi	1.423	Số Y873072
4	Phường Cải Đan	8.790	Số AC637499

(Nguồn: Công ty cổ phần Meinfa)

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

14.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức

Bảng 18: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức

STT	Chỉ tiêu	Năm 2011	So sánh 2011/2010
1	Vốn điều lệ	29.000.000.000	-
2	Doanh thu thuần	210.000.000.000	120,02
3	Lợi nhuận sau thuế	15.000.000.000	70,04
4	Lợi nhuận sau thuế/DT thuần (%)	7,14	58,36
5	Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ (%)	51,72	70,04
6	Tỷ lệ trả cổ tức (%)	25	62,5

(Nguồn: Công ty cổ phần Meinfa)

Các chỉ tiêu kế hoạch mà Công ty xây dựng mang tính tích cực tăng qua các năm. Tuy nhiên chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế kế hoạch năm 2011 là: 15.000.000.000 đồng, bằng 70.04% với năm 2010. Những yếu tố tác động không lợi đến kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2011 là do tình hình giá cả vật tư, điện, than, xăng dầu và tỷ giá hối đoái không ổn định luôn có xu hướng tăng, chỉ tiêu tiền lương tăng, lãi vay ngân hàng cũng tăng đáng kể. Như vậy, làm cho chi phí giá vốn tăng, nên không thể tăng lợi nhuận theo tỷ lệ tăng của năm 2010 mặc dù công ty cũng rất mong muốn và phấn đấu để luôn có lợi nhuận cao, Meinfa dự kiến chi trả cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ năm 2011 là 25%.

14.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên.

a. Công tác quản lý

- Công ty đã lựa chọn đường lối đúng đắn, đó là thực hiện mô hình quản lý mới Công ty mẹ - Công ty con, tiết kiệm triệt để chi phí sản xuất.
- Tình hình kinh tế trong nước và trên thế giới đã có nhiều chuyển biến tích cực, nền kinh tế Việt Nam đã bước ra khỏi khủng hoảng.

b. Đầu tư đúng định hướng

- Công ty TNHH MTV Vạn Xuân – Công ty con của Meinfa, được thành lập theo quyết định số 935/QĐ-HĐQT ngày 16 tháng 3 năm 2005 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Meinfa với vốn điều lệ 5 tỷ đồng, đã hoạt động rất tốt và

mang lại lợi nhuận lớn cho Công ty mẹ. Lợi nhuận sau thuế của Công ty Vạn Xuân năm 2008, 2009 đạt lần lượt 8.028.914.793 đồng và 7.411.819.907 đồng.

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 ngày 25/04/2010, đã thông qua kế hoạch đầu tư năm 2010. Công ty dự kiến đầu tư 24 tỷ đồng để bổ sung và nâng cao năng lực sản xuất cho các Công ty con, cụ thể như sau:

- Công ty TNHH MTV Tam Hữu: Đầu tư 15 tỷ đồng gồm các thiết bị: Máy đập, hệ thống lò nung phôi, thiết bị phụ trợ cho việc tạo phôi.
- Công ty TNHH MTV Vạn Xuân: Đầu tư 5 tỷ đồng cho các máy cắt gọt kim loại.
- Công ty TNHH MTV Cơ khí: Đầu tư 2 tỷ đồng cho thiết kế gia công cơ khí (Máy bào, máy phay, máy tiện...)
- Công ty TNHH MTV Cơ điện: Đầu tư 2 tỷ đồng để mua thiết bị nâng hạ, máy gia công cỡ lớn...

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký giao dịch

Không có

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty

Không có

V. CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Loại chứng khoán

Toàn bộ chứng khoán đăng ký là cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng

3. Tổng số chứng khoán đăng ký giao dịch

Tổng số cổ phần đăng ký giao dịch là 2.900.000 cổ phiếu

4. Phương pháp tính giá

4.1 Phương pháp P/E

Giá cổ phiếu của được tính toán dựa trên thu nhập trên 1 cổ phần (EPS) năm 2010 và P/E bình quân của một số công ty cùng ngành.

STT	Tên doanh nghiệp	Mã CK	EPS ⁽²⁾	Giá cp ngày 26/8/2011 ⁽³⁾	Chỉ số P/E
1	Tổng CTCP y tế Danameco	DNM	2.545	13.400	5.27
2	CTCP Sản xuất kinh doanh Dược và trang thiết bị Y tế Việt Mỹ	AMV	828	6.600	7.97
3	CTCP Dược - Thiết bị y tế Đà Nẵng	DDN	3.270	22.000	6.73
4	CTCP Y dược phẩm Vimedimex	VMD	2.894	20.500	7.08
5	CTCP Xuất nhập khẩu y tế Domesco	DMC	4.730	26.300	5.56
P/E Bình quân					6,52

(1) Nguồn: BCTC đã kiểm toán của các Công ty được công bố thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật.

(2) Nguồn: Tính toán từ BCTC đã kiểm toán của các Công ty được công bố thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật.

(3) Nguồn: HNX tại địa chỉ www.hnx.vn và HSX tại địa chỉ www.hsx.vn

Chỉ số P/E bình quân gia quyền của các công ty được lựa chọn là 6.52.

Giá cổ phiếu của Công ty:

Lợi nhuận sau thuế năm 2010 của Công ty	21.417.047.785	đồng
Tổng số cổ phần đang lưu hành	2.850.900	cổ phần
Thu nhập trên 1 cổ phần (EPS)	7.512	đồng/cổ phần
P/E bình quân gia quyền theo cách tính trên	6,52	lần
Giá cổ phiếu của Công ty (P =EPS x P/E_{BQ})	48.978	đồng/cổ phần

4.2. Phương pháp P/B

Căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất của MEF tại ngày 31/12/2010, Giá trị sổ sách cổ phiếu MEF được tính theo bảng sau:

Bảng 19: Bảng tính giá trị sổ sách cổ phiếu MEF

Chỉ tiêu	31/12/2010
Nguồn vốn chủ sở hữu (VNĐ)	63.492.042.992
Số lượng cổ phần đang lưu hành (cp)	2.850.980
Giá trị sổ sách (VNĐ)	22.270

(Nguồn: BCTC Hợp nhất đã được kiểm toán năm 2010)

Giá cổ phiếu của được tính toán dựa trên giá trị sổ sách của 1 cổ phần tại thời điểm 31/12/2010 và P/B bình quân của một số công ty trong ngành thiết bị y tế.

STT	Tên doanh nghiệp	Mã CK	SL cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm 31/12/2010 ⁽⁴⁾	Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2010 ⁽⁵⁾	Giá cp ngày 26/8/2011 ⁽⁶⁾	Chỉ số P/B
1	Tổng CTCP y tế Danameco	DNM	2.411.510	17.950	13.400	0,75
2	CTCP Sản xuất kinh doanh Dược và trang thiết bị Y tế Việt Mỹ	AMV	2.100.000	11.568	6.600	0,57
3	CTCP Dược - Thiết bị y tế Đà Nẵng	DDN	2.800.000	20.939	22.000	1,05
4	CTCP Y dược phẩm Vimedimex	VMD	8.141.196	17.477	20.500	1,17
5	CTCP Xuất nhập khẩu y tế Domesco	DMC	17.503.519	31.222	26.300	0,84
P/B Bình quân						0,88

(4) Nguồn: BCTC đã kiểm toán của các Công ty được công bố thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật.

(5) Nguồn: Tính toán từ BCTC đã kiểm toán của các Công ty được công bố thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật.

(6) Nguồn: HNX tại địa chỉ www.hnx.vn và HSX tại địa chỉ www.hsx.vn

Chỉ số P/B bình quân gia quyền của các công ty được lựa chọn là 0,88.

Giá cổ phiếu của Công ty:

Giá trị sổ sách của Meinfa tại thời điểm 31/12/2010	22.270	đồng/cổ phần
P/B bình quân gia quyền theo cách tính trên	0,88	lần
Giá cổ phiếu của Công ty	19.598	đồng/cổ phần

4.3. Tổng hợp các phương pháp tính toán

Theo hai phương pháp này, giá giao dịch tại ngày giao dịch đầu tiên cổ phiếu MEF là:

Phương pháp	Giá cổ phiếu (đồng)
Phương pháp P/E	48.978
Phương pháp P/B	19.598
Giá bình quân gia quyền	34.288

Căn cứ vào kết quả trên, chúng tôi dự kiến giá giao dịch tại ngày đầu tiên của một Cổ phiếu MEF là **34.000 đồng/cổ phần**.

5. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Meinfa không quy định cụ thể giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với cổ đông là người nước ngoài. Sau khi cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán chưa niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo quy định tại Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Trong đó quy định nhà đầu tư nước ngoài mua, bán cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu của công ty, tương đương là 1.421.000 cổ phần.

Hiện nay nhà đầu tư nước ngoài đang nắm giữ 16,90% tổng số cổ phiếu của Công ty Cổ phần Meinfa.

6. Các loại thuế có liên quan

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo hướng dẫn tại Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007 của Bộ Tài chính và Thông tư số 130/2008/TT – BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính.

Thuế giá trị gia tăng và các khoản thuế khác được Công ty thực hiện đúng theo quy định hiện hành

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN (AASC)

Địa chỉ: Số 1 Lê Phụng Hiểu, Hà Nội

Điện thoại: (04) 824 1990

Fax: (04) 825 3973

2. TỔ CHỨC CAM KẾT HỖ TRỢ: CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

Trụ sở chính

Địa chỉ: 56 - 58 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp HCM

Điện thoại: (848) 8.218.666

Fax: (848) 9.144.372

Website: www.das.vn

Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 1, 57 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng, Tp Hà Nội.

Điện thoại: (844) 9.445.175

Fax: (844) 9.445.178

VII. PHỤ LỤC

1. Giấy đề nghị đăng ký chứng khoán
2. Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán
3. Giấy đề nghị cấp mã chứng khoán
4. Bản công bố thông tin về việc đăng ký giao dịch trên thị trường
UPCOM
5. Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
6. Bản sao hợp lệ Điều lệ công ty
7. Báo cáo tài chính kiểm toán Hợp nhất năm 2009 và năm 2010
8. Mẫu Sổ chứng nhận sở hữu chứng khoán
9. Hợp đồng tư vấn cam kết hỗ trợ đăng ký giao dịch
10. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về việc đăng ký giao dịch trên thị trường
UPCOM
11. Các tài liệu khác kèm theo



Thái Nguyên, ngày 23 tháng 09 năm 2011

**TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH – CÔNG TY CỔ PHẦN MEINFA
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC**

(Đã ký)

HOÀNG NHƯ NGUYỄN

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

(Đã ký)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Đã ký)

TRẦN HÙNG TUẤN

ĐINH VĂN VINH

**TỔ CHỨC CAM KẾT HỖ TRỢ - CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG ĐÔNG Á**

PHÓ GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH HÀ NỘI

(Đã ký)

NGUYỄN THỊ NGỌC LINH